

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 (sau đây gọi tắt là 'Công ty') trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301148063 ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 2, ngày 30/05/2012.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận 11 theo Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ 34.035.000.000 đồng

Vốn thực góp 38.748.000.000 đồng

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Số 12 Đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 08 3866 2226

Fax: 08 3866 2224

Mã số thuế: 0301148063

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên:

	Chức vụ
- Ông Lê Trọng Hà	Chủ tịch
- Ông Nguyễn Thanh Liêm	Thành viên
- Ông Phạm Văn Trình	Thành viên

Ban Giám đốc và kế toán trưởng:

	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm lại
- Ông Nguyễn Thanh Liêm	Giám đốc	28/10/2015
- Ông Phạm Văn Trình	Phó giám đốc	13/03/2015
- Ông Đinh Duy Long	Phó giám đốc	14/01/2016
- Ông Phạm Quang Trung	Phó giám đốc	14/01/2016
- Bà Huỳnh Thị Hường	Kế toán trưởng	14/01/2016

Ngành nghề kinh doanh

Phá dỡ: Khoan cắt bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di dời nhà cửa;

- Lắp đặt trang thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt trang thiết bị công trình giao thông thủy lợi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

- Xây dựng công trình dân dụng khác;

- Hoạt động công ích (theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước): Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp quản lý; thu gom và vận chuyển rác; bảo đảm vệ sinh đô thị trên địa bàn; quản lý, cho thuê (kể cả bán nhà theo nghị định 61/CP) các loại nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo phân cấp quản lý và theo các quy định hiện hành; tham gia di dời và xây dựng và bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Hoạt động khác (theo Hợp đồng kinh tế với khách hàng): san lấp mặt bằng, xây dựng công trình công nghiệp - dân dụng vừa và nhỏ, công trình giao thông đô thị vừa và nhỏ. Kinh doanh nhà.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo của Ban giám đốc, đến kết quả hoạt động trong năm tài chính hiện hành.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH kiểm toán Thái Bình Dương được chỉ định thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và bày tỏ nguyện vọng tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch đến mức cần phải được công bố và giải thích cho báo cáo tài chính này; những nội dung cần thuyết minh đã được thuyết minh cho báo cáo tài chính.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý, tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ngày 28 tháng 01 năm 2016

Thay mặt và Đại diện Ban Giám đốc 



Nguyễn Thanh Liêm
Giám đốc

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11, được lập ngày 28 tháng 01 năm 2016, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Cho đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán chúng tôi chưa nhận được quyết toán quỹ tiền lương thực hiện của Công ty. Chúng tôi cũng không thể thực hiện kiểm tra được tính đúng đắn của chi tiêu này.

(BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 01 năm 2016

ĐẠI DIỆN CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN THÁI BÌNH DƯƠNG (PACIFIC AUDIT)

Giám đốc

Kiểm toán viên



Nguyễn Thành Đức

Trần Minh Bảo

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1498-2013-196-1

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3219-2015-196-1

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.142.418.355	79.489.683.043
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		62.957.047.519	69.347.313.334
1. Tiền	111	V.01	23.587.343.491	21.349.477.264
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.369.704.028	47.997.836.070
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		9.088.559.321	9.762.362.058
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	7.562.391.074	8.046.537.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	-	9.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	2.152.842.513	2.363.403.935
7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137		(626.674.266)	(656.579.293)
IV. Hàng tồn kho	140		73.228.370	380.007.651
1. Hàng tồn kho	141	V.05	73.228.370	380.007.651
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.583.145	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11b	23.583.145	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		519.479.590.367	546.572.642.041
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		2.661.793.003	3.108.540.387
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	2.661.793.003	3.108.540.387
Nguyên giá	222		9.135.569.033	9.135.569.033
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.473.776.030)	(6.027.028.646)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228	V.08	54.855.100	54.855.100
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(54.855.100)	(54.855.100)
III. Bất động sản đầu tư	230		516.181.397.354	542.403.434.984
Nguyên giá	231	V.09	524.595.947.319	551.124.540.385
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(8.414.549.965)	(8.721.105.401)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		636.400.010	1.060.666.670
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06b	636.400.010	1.060.666.670
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		591.622.008.722	626.062.325.084

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	TẠI NGÀY 31/12/2015	TẠI NGÀY 01/01/2015
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		17.346.011.973	15.835.326.282
I. Nợ ngắn hạn	310		15.137.759.786	12.121.930.396
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	1.500.121.030	3.399.955.976
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	1.949.970.526	1.698.483.448
4. Phải trả người lao động	314	V.12	492.473.697	1.850.202.530
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	-	42.554.546
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	4.583.737.195	3.898.367.942
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	6.611.457.338	1.232.365.954
II. Nợ dài hạn	330		2.208.252.187	3.713.395.886
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.14	1.090.051.187	2.615.075.886
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	1.096.920.000	1.098.320.000
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.17	21.281.000	-
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		574.275.996.749	610.226.998.802
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	39.050.029.163	43.664.209.287
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		38.748.000.000	34.035.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		38.748.000.000	34.035.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		218.142.792	6.751.496.649
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	2.793.826.267
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	2.793.826.267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		83.886.371	83.886.371
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.19	535.225.967.586	566.562.789.515
1. Nguồn kinh phí	431		19.031.316.861	23.798.230.749
2. Nguồn kinh phí đã hình thành	432		516.194.650.725	542.764.558.766
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		591.622.008.722	626.062.325.084

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Nguyễn Thị Hương

Huỳnh Thị Hương
Kế Toán Trưởng



Ngày 28 tháng 01 năm 2016

Nguyễn Thanh Liêm
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	106.105.542.633	102.947.175.975
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		106.105.542.633	102.947.175.975
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	94.996.915.620	94.478.945.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và	20		11.108.627.013	8.468.230.231
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.805.944.762	2.783.797.414
7. Chi phí tài chính	22		-	-
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	5.882.752.565	6.414.309.577
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.031.819.210	4.837.718.068
11. Thu nhập khác	31	VI.05	112.239.169	113.348.508
12. Chi phí khác	32	VI.06	66.522.873	1.068.005.662
13. Lợi nhuận khác	40		45.716.296	(954.657.154)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.077.535.506	3.883.060.914
15. Chi phí Thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	1.571.692.843	1.089.234.647
16. Chi phí Thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.505.842.663	2.793.826.267
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 01 năm 2016



Huỳnh Thị Hường
Kế Toán Trưởng


Nguyễn Thanh Liêm
Giám đốc

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ THUYẾT SỐ MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
I - Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	7.077.535.506	3.883.060.914
Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	446.747.384	(1.637.900.859)
- Các khoản dự phòng	03	(29.905.027)	(29.710.094)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.494.377.863	2.215.449.961
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	680.124.619	(2.761.170.362)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	306.779.281	527.094.330
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	1.001.387.495	(18.763.896.945)
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	424.266.660	(967.770.998)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.062.394.647)	3.081.500.124
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(41.763.400.152)	(18.188.102.827)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(32.918.858.881)	(34.856.896.717)
II - Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	29.435.951.015
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	26.528.593.066	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	26.528.593.066	29.435.951.015
III - Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(6.390.265.815)	(5.420.945.702)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	69.347.313.334	74.768.259.036
Tiền tồn cuối kỳ	70	62.957.047.519	69.347.313.334

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Ngày 28 tháng 01 năm 2016



Huỳnh Thị Hường
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thanh Liêm
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 11 là Công ty TNHH được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301148063 ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 2, ngày 30/05/2012.

Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Công ích Quận 11 theo Quyết định số 2885/QĐ-UBND ngày 05/07/2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

Chủ sở hữu của Công ty là Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước chủ sở hữu

- Vốn điều lệ: 34.035.000.000 VND

- Vốn thực góp: 38.748.000.000 VND

Trụ sở đặt tại: Số 12 Đường số 2, Cư Xá Lữ Gia, Phường 15, Quận 11, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam

2. Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ công cộng, xây dựng,...

3. Ngành nghề kinh doanh:

Phá dỡ: Khoan cắt bê tông, phá dỡ công trình xây dựng, di dời nhà cửa;

- Lắp đặt trang thiết bị công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, lắp đặt trang thiết bị công trình giao thông thủy lợi;

- Sửa chữa máy móc, thiết bị;

- Xây dựng công trình dân dụng khác;

- Hoạt động công ích (theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước): Quản lý, duy tu và xây dựng các công trình giao thông, công trình đô thị theo phân cấp quản lý; thu gom và vận chuyển rác; bảo đảm vệ sinh đô thị trên địa bàn; quản lý, cho thuê (kể cả bán nhà theo nghị định 61/CP) các loại nhà thuộc sở hữu Nhà nước theo phân cấp quản lý và theo các quy định hiện hành; tham gia di dời và xây dựng và bố trí tái định cư theo quy hoạch và chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước giao. Hoạt động khác (theo Hợp đồng kinh tế với khách hàng): san lấp mặt bằng, xây dựng công trình công nghiệp - dân dụng vừa và nhỏ, công trình giao thông đô thị vừa và nhỏ. Kinh doanh nhà.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm:

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Đơn vị sử dụng đồng Việt Nam (VNĐ) trong hạch toán kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Công ty áp dụng chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ tài chính thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Vì vậy, Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và chế độ Kế toán Việt Nam.

3. Hình thức sổ kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng và tiền mặt tại quỹ;

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế của Ngân hàng Nhà nước vào ngày phát sinh nghiệp vụ;

Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

2. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

Bình quân gia quyền

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Kê khai thường xuyên

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Trong năm, việc trích lập dự phòng này đơn vị chưa đủ điều kiện để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo phương pháp trên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)

a. TSCĐ hữu hình:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình:

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình:

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài Chính, thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại TSCĐ	Năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước dài hạn

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo);
- Chi phí chuyển địa điểm, chi phí tổ chức lại doanh nghiệp;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí nghiên cứu;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Nợ phải trả được ghi nhận khi có đủ điều kiện chắc chắn là doanh nghiệp sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại và khoản nợ phải trả đó phải xác định một cách đáng tin cậy.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng:

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được Chi phí phát sinh và Chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

c. Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

d. Doanh thu hợp đồng xây dựng:

Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo phương pháp tỉ lệ phần trăm công việc hoàn thành dựa vào mức độ hoàn thành công việc vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Lãi vay thuê tài chính;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước;

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính;

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	21.940.385	986.279.148
+ Tiền mặt tại quỹ VNĐ	21.940.385	986.279.148
Tiền gửi ngân hàng VNĐ	23.565.403.106	20.363.198.116
Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam- CN Quận 11	23.556.361.744	18.374.958.822
Ngân hàng MHB -Chi nhánh Gia Định	-	1.105.226
Ngân hàng MHB -Chi nhánh Chợ Lớn	-	1.986.076.368
Ngân hàng NN & PT NT - CN Lý Thường Kiệt	1.068.400	1.057.700
Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Phú Nhuận	7.972.962	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các khoản tương đương tiền	39.369.704.028	47.997.836.070
<i>Ngân hàng TM CP Công Thương Việt Nam- CN Quận 11</i>	-	10.661.714.189
<i>Ngân hàng TMCP MHB Chi nhánh Gia Định</i>	-	16.102.959.568
<i>Ngân hàng TMCP MHB Chi nhánh Chợ Lớn</i>	-	2.687.610.413
<i>Ngân hàng NN & PT NT - CN Lý Thường Kiệt</i>	19.383.962.100	18.545.551.900
<i>Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - CN Phú Nhuận</i>	17.982.306.398	
<i>Ngân hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam - PGD LĐH</i>	2.003.435.530	-
Tổng cộng	62.957.047.519	69.347.313.334

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Phải thu khách hàng	Cuối năm	Đầu năm
a Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Ban QLĐT XD CT quận 11	88.138.576	377.186.000
- Cty TNHH MTV DV DL Phú Thọ	2.310.000	3.025.000
- Tiền thu giữ xe, thang máy các hộ dân	611.757.357	770.768.452
- Tiền thu cho thuê nhà các hộ dân	411.249.136	598.068.054
- Tiền thu cho thuê địa điểm XSKD	1.253.703.444	2.075.318.270
- UBND phường 16 quận 11	-	295.961.000
- Ban Quản lý Chợ Thiếc	-	364.511.000
- UBND phường 14 quận 11	816.163.000	-
- Tiền thu trạm bơm các hộ dân	100.516.061	130.911.830
- UBND phường 5 quận 11	-	194.047.000
- Phòng tài chính KH Quận 11	3.348.326.000	3.150.794.300
- UBND phường 8 Quận 11	737.714.000	-
- Cty CP Lắp Máy điện Nước	24.752.000	24.752.000
- Công An Quận 11	86.496.000	-
- UBND phường 12 quận 11	-	28.372.000
- Khách hàng khác	81.265.500	32.822.510
Tổng cộng	7.562.391.074	8.046.537.416
3. Trả trước cho người bán	Cuối năm	Đầu năm
- Trung Tâm Đo đạc bản đồ		9.000.000
Tổng cộng	-	9.000.000

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

4. Các khoản phải thu khác	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a Ngắn hạn				
Tiền lãi ngân hàng dự thu	66.432.817		136.982.104	
TTKD BD và TV Tài Nguyên				
Môi trường	115.237.000		115.237.000	
Thuế TNCN	238.710.490		434.953.006	
Lô A1 Chung Cư 14A LLQ	30.162.328		30.162.328	
Bảo hiểm xã hội			7.058.497	
Ký cược, ký quỹ (a)	1.193.130.000		1.182.612.000	
Các khoản tạm ứng	396.771.391		456.399.000	
Tạm ứng sửa chữa nhà SH NN	85.142.000		-	
Phải thu khác:	27.256.487		-	
Tổng cộng	2.152.842.513	-	2.363.403.935	-

(a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 các khoản ký cược, ký quỹ bao gồm:

Ký quỹ đấu thầu bãi xe công viên Đầm Sen	300.000.000
Ký quỹ bảo lãnh dự thầu công trình trụ sở UBND Phường 8 Quận 11	190.000.000
Ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng trụ sở UBND Phường 8 Quận 11	703.130.000

5. Hàng tồn kho	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-		-	
Công cụ, dụng cụ	73.228.370		83.964.767	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-		296.042.884	
Tổng cộng	73.228.370	-	380.007.651	-

6. Chi phí trả trước	Đầu năm		Kết chuyển chi phí	Cuối năm
		Tăng		
a Chi phí trả trước ngắn hạn				
Tổng cộng	-	-	-	-
b Chi phí trả trước dài hạn				
	Đầu năm	Tăng	Kết chuyển chi phí	Cuối năm
	1.060.666.670		424.266.660	636.400.010
Tổng cộng	1.060.666.670	-	424.266.660	636.400.010

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá					-	
- Số dư đầu năm	3.255.862.784	777.199.500	4.694.370.000	408.136.749	-	9.135.569.033
- Mua trong năm						-
Số dư cuối năm	3.255.862.784	777.199.500	4.694.370.000	408.136.749	-	9.135.569.033
Khấu hao lũy kế						
- Số dư đầu năm	2.260.151.443	618.056.474	2.807.705.623	341.115.106	-	6.027.028.646
- Khấu hao trong năm	120.983.604	26.622.318	288.387.614	10.753.848		446.747.384
Số dư cuối năm	2.381.135.047	644.678.792	3.096.093.237	351.868.954	-	6.473.776.030
Giá trị còn lại						
- Số dư đầu năm	995.711.341	159.143.026	1.886.664.377	67.021.643	-	3.108.540.387
- Số dư cuối năm	874.727.737	132.520.708	1.598.276.763	56.267.795	-	2.661.793.003

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

8. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Nguyên giá	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành
- Số dư đầu năm		
- Mua trong năm		
Số dư cuối năm	-	-
Khấu hao lũy kế		
- Số dư đầu năm	-	
- Khấu hao trong năm	-	
Số dư cuối năm	-	
Giá trị còn lại		
- Số dư đầu năm	-	-
- Số dư cuối năm	-	-

9. Tình hình tăng giảm bất động sản đầu tư

Nguyên giá	Nhà ở	Nhà sản xuất kinh doanh
- Số dư đầu năm	7.925.107.285	13.870.094.194
- Mua trong năm		
- Giảm trong năm (*)	602.514.649	557.660.865
Số dư cuối năm	7.322.592.636	13.312.433.329

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với báo cáo tài chính được đính kèm

Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
	54.855.100		54.855.100
			-
-	54.855.100	-	54.855.100
	54.855.100	-	54.855.100
		-	-
	54.855.100	-	54.855.100
-	-	-	-
-	-	-	-
Chung cư	Bất động sản khác		Tổng cộng
529.329.338.906		-	551.124.540.385
			-
25.368.417.552			26.528.593.066
503.960.921.354	-	-	524.595.947.319

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Khấu hao lũy kế

- Số dư đầu năm	1.620.913.061	7.100.192.340	-	8.721.105.401
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	70.287.521	236.267.915	-	306.555.436
Số dư cuối năm	1.550.625.540	6.863.924.425	-	8.414.549.965

Giá trị còn lại

- Số dư đầu năm	6.304.194.224	6.769.901.854	529.329.338.906	-	-	542.403.434.984
Số dư cuối năm	5.771.967.096	6.448.508.904	503.960.921.354	-	-	516.181.397.354

Bất động sản tăng trong năm do nhà nước giao thêm để quản lý; giảm trong năm do bán theo quy định.

Trong đó

+ **Nhà ở:** Giảm vốn và tài sản nhà mua trả góp ND 61/CP (góp của các năm trước 11 căn) và giảm vốn và tài sản nhà bán theo ND 34 và trả nhà tư nhân

+ **Nhà sản xuất kinh doanh:** Giảm 4 mặt bằng Quận 11 thu hồi quản lý, 1 mặt bằng bán theo QĐ 09, 3 khu đất Ủy ban Quận 11 thu hồi

+ **Chung cư:** **25.368.417.552**

- Chung cư Lô C Lý Thường Kiệt phường 07 quận 11 - 5 căn	495.974.059
- Chung cư Cây Mai phường 16 quận 11 - 10 căn	1.255.486.869
- Chung cư Tuệ Tĩnh phường 12 quận 11 - 3 căn	460.371.355
- Chung cư 312 Lạc Long Quân phường 05 quận 11 - 31 căn	10.312.980.616
- Chung cư Khu B Phú Thọ phường 15 quận 11 - 27 căn	10.220.813.773
- Chung cư Khu A Phú Thọ phường 15 quận 11 - 5 căn	2.622.790.880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

10. Phải trả người bán	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
- Nguyễn Trọng Nhân	101.437.350	101.437.350	-	-
- A Khánh	86.496.000	86.496.000	389.719.777	389.719.777
- Đội 9 anh Nguyễn Lê Công Lý	13.289.350	13.289.350	4.931.849	4.931.849
- Cty Môi trường Đô thị TP.HCM	414.727.331	414.727.331	13.289.350	13.289.350
- Hợp tác xã Vận tải Công nông	849.284.545	849.284.545	2.992.015.000	2.992.015.000
- Nguyễn Ai Quốc	2.541.000	2.541.000	-	-
- Công ty TNHH Kiểm toán Thái Bình Dương	22.000.000	22.000.000	-	-
- Các khách hàng khác	10.345.454	10.345.454	-	-
Tổng cộng	1.500.121.030	201.222.700	3.399.955.976	394.651.626

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Đầu năm		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		837.170.999	6.096.524.001	6.004.710.118		928.984.882
Thuế thu nhập doanh nghiệp		429.234.647	1.571.692.843	1.062.394.647		938.532.843
Thuế thu nhập cá nhân		87.194.640	391.321.342	502.099.127	(23.583.145)	
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		86.033.401	4.436.597	8.017.197		82.452.801
Tổng cộng	-	1.439.633.687	8.063.974.783	7.577.221.089	(23.583.145)	1.949.970.526

Số thuế phải nộp của doanh nghiệp chưa được Cơ quan Thuế quyết toán. Do đó, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Cơ quan Thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

12. Phải trả công nhân viên	Cuối năm	Đầu năm
- Lương viên chức quản lý	304.388.581	356.407.170
- Lương công nhân viên	188.085.116	1.493.795.360
Tổng cộng	492.473.697	1.850.202.530
13. Chi phí phải trả	Cuối năm	Đầu năm
a Ngắn hạn		
- Bảo trì thang máy Thiên Nam	-	20.054.546
- Chi phí kiểm toán BCTC	-	22.500.000
Tổng cộng	-	42.554.546
14. Doanh thu chưa thực hiện	Cuối năm	Đầu năm
Dài hạn		
- Doanh thu từ thu tiền nhà Sở hữu Nhà nước về nhà ở	292.714.206	
- Doanh thu từ thu tiền nhà Sở hữu Nhà nước về nhà sản xuất kinh doanh	797.336.981	
- Doanh thu từ thu tiền nhà Sở hữu Nhà nước	-	2.615.075.886
Tổng cộng	1.090.051.187	2.615.075.886
15. Phải trả khác	Cuối năm	Đầu năm
a <i>Phải trả ngắn hạn khác</i>		
- Thu hộ tiền đền bù giải phóng mặt bằng	38.627.306	38.627.306
- Thu tiền thẩm định, TV thiết kế mua nhà hoá giá	899.629.247	880.502.907
- Thu hộ tiền bán chung cư tái định cư (95%)	3.384.384.982	2.720.838.338
Thu tiền chi phí đo vẽ chung cư Phú Thọ (12 căn hộ liền kề)	37.534.001	37.534.001
- Thu tiền nhà tái định cư	209.486.400	209.486.400
Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.075.259	11.378.990
Tổng cộng	4.583.737.195	3.898.367.942
b <i>Phải trả dài hạn khác</i>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.096.920.000	1.098.320.000
Tổng cộng	1.096.920.000	1.098.320.000
(*) Chi tiết các khoản ký quỹ thực hiện hợp đồng tại ngày 31/12/2015		
- Ký quỹ thực hiện hợp đồng bãi giữ xe Công viên Văn hóa Đầm Sen		300.000.000
- Ký quỹ thực hiện hợp đồng bãi giữ xe Lô 3, khối C, Chung Cư A, Phú Thọ.		56.000.000
- Thu tiền ký quỹ bãi giữ xe lô 3A+3B chung cư khu A Phú Thọ		70.000.000
- Ký quỹ thực hiện hợp đồng cho thuê mặt bằng tầng trệt Lô B Chung cư 312 LLQ		168.000.000
- Ký quỹ thực hiện các hợp đồng khác.		502.920.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Đầu năm	Tăng	Giảm	Cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.232.365.954	9.124.022.787	3.744.931.403	6.611.457.338
Tổng cộng	1.232.365.954	9.124.022.787	3.744.931.403	6.611.457.338

Các quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế

17. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Cuối năm	Đầu năm
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	21.281.000	
Tổng cộng	21.281.000	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

18. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	34.035.000.000			6.751.496.649	-	83.886.371	40.870.383.020
Tăng vốn năm trước							-
Giảm vốn năm trước							
Lãi trong năm trước					2.793.826.267		2.793.826.267
Giảm khác							-
Số dư cuối năm trước	34.035.000.000	-		6.751.496.649	2.793.826.267	83.886.371	43.664.209.287
Tăng vốn năm nay	4.713.000.000						4.713.000.000
Giảm vốn năm nay				4.713.000.000			4.713.000.000
Lãi trong năm					5.505.842.663		5.505.842.663
Trích quỹ từ LN sau thuế					7.295.676.749		7.295.676.749
Giảm khác		-		1.820.353.857	1.003.992.181		2.824.346.038
Số dư cuối năm nay	38.748.000.000	-		218.142.792	-	83.886.371	39.050.029.163

Trong năm công ty tăng vốn từ Quỹ đầu tư phát triển số tiền: 4.713.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cuối năm	Đầu năm
- Vốn góp của nhà nước		38.748.000.000	34.035.000.000
Ủy Ban nhân dân Quận 11		38.748.000.000	34.035.000.000
Số đầu năm (ngày 01 tháng 01 năm 2015)		34.035.000.000	
Tăng trong năm (chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển)		4.713.000.000	
Giảm trong năm		-	
Số cuối năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2015)		38.748.000.000	
19. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
a. Nguồn kinh phí		Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm		23.798.230.749	17.211.477.980
Tăng trong năm		21.603.811.411	24.473.953.110
- Thu hộ ngân sách các tiền thuê nhà chung cư thuộc sở hữu của nhà nước		3.465.969.668	4.414.358.645
- Thu nhà ở 40% cho thuê nhà thuộc sở hữu của Nhà nước		17.974.155.358	19.957.918.516
- Các khoản thu khác		163.686.385	101.675.949
Giảm trong năm		26.370.725.299	17.887.200.341
- Chi hoạt động sự nghiệp 40% nhà thuộc sở hữu của Nhà nước		23.340.660.285	10.733.080.198
- Chi mua phần chênh lệch kinh phí duy tu chung cư và căn hộ thuộc sở hữu của Nhà nước.		2.369.211.170	7.017.992.923
- Chi khác		660.853.844	136.127.220
- Số dư cuối năm		19.031.316.861	23.798.230.749
b. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		Cuối năm	Đầu năm
- Số dư đầu năm		542.764.558.766	570.154.490.248
Tăng trong năm		411.119.589	313.472.338
- Tăng nguồn nhà chung Cư thuộc sở hữu của nhà nước		-	17.350.859
- Hoàn nhập vốn nhà 60% tiền thu cho thuê nhà ở năm 2012 hạch toán nhằm theo BB duyệt quyết toán		-	296.121.479
- Tăng khác		411.119.589	-
Giảm trong năm		26.981.027.630	27.703.403.820
- Khấu hao nguồn kinh phí		-	152.359.866
- Giảm khác		26.981.027.630	27.551.043.954
- Số dư cuối năm		516.194.650.725	542.764.558.766

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

	Năm nay	Năm trước
01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.105.542.633	102.947.175.975
Trong đó:		
Dịch vụ công ích	65.995.348.998	63.608.259.441
Dịch vụ thi công công trình	8.898.394.545	8.426.564.547
Dịch vụ cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	17.974.155.358	17.222.372.559
Trạm bơm	1.159.983.881	1.218.745.600
Rác chợ nhà vệ sinh (Rác 88)	738.526.907	626.934.598
Dịch vụ khác	11.339.132.944	11.844.299.230
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	106.105.542.633	102.947.175.975
02. Giá vốn hàng bán	Năm nay	Năm trước
Dịch vụ công ích	56.329.879.254	57.537.816.233
Dịch vụ thi công công trình	8.410.161.878	7.875.200.649
Dịch vụ cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước	17.974.155.358	17.222.372.559
Trạm bơm	571.726.739	767.340.392
Rác chợ nhà vệ sinh (Rác 88)	406.732.727	383.352.600
Dịch vụ khác	11.304.259.664	10.692.863.311
Tổng cộng	94.996.915.620	94.478.945.744
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	1.805.944.762	2.783.797.414
Tổng cộng	1.805.944.762	2.783.797.414
04. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.679.803.425	4.655.737.510
Chi phí đồ dùng văn phòng	84.294.781	108.495.092
Chi phí khấu hao tài sản cố định	523.794.899	128.157.922
Thuế, phí và lệ phí	35.550.965	17.650.769
Chi phí dự phòng	(29.905.027)	(29.710.094)
Trích quỹ phát triển KHCN	21.281.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	433.225.816	331.006.479
Chi phí bằng tiền khác	1.134.706.706	1.202.971.899
Tổng cộng	5.882.752.565	6.414.309.577

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

05. Thu nhập khác	Năm nay	Năm trước
Thu sửa chữa thay máy,..	57.272.731	78.363.639
Thu tiền thuê đất	52.034.367	15.893.960
Các khoản thu nhập khác	2.932.071	19.090.909
Tổng cộng	112.239.169	113.348.508
06. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
Trích nộp bổ sung VAT + Phạt chậm nộp thuế VAT	64.272.873	-
Chi phí khác	2.250.000	1.068.005.662
Tổng cộng	66.522.873	1.068.005.662
07. Chi phí thuế TNDN hiện hành	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	7.077.535.506	3.883.060.914
Cộng các khoản chi phí không được trừ	66.522.873	1.068.005.664
Thu nhập tính thuế	7.144.058.379	4.951.066.578
Thuế suất thuế TNDN	22%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.571.692.843	1.089.234.647

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai	Năm nay	Năm trước
- Chuyển quỹ đầu tư phát triển thành vốn chủ sở hữu;	4.713.000.000	

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301148063 ngày 19 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thay đổi lần thứ 2, ngày cấp 30/05/2012, Công ty có vốn điều lệ 34.035.000.000 đồng. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đã tăng góp vốn là: 38.748.000.000 đồng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

2. Công cụ tài chính

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.957.047.519		69.347.313.334	
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	9.715.233.587	(626.674.266)	10.409.941.351	(656.579.293)
Tổng cộng	72.672.281.106	(626.674.266)	79.757.254.685	(656.579.293)
Công nợ tài chính			Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán, phải trả khác			7.180.778.225	8.396.643.918
Tổng cộng			7.180.778.225	8.396.643.918

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các thành viên thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ

Quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu những rủi ro của thị trường (bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và các rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá trị thị trường có các loại rủi ro: Rủi ro tiền tệ, Rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

(i) Quản lý rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng tiền Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Rủi ro tiền tệ của Công ty là không trọng yếu vì Công ty chỉ có một số rất ít tiền bằng Đô la Mỹ (USD) tại ngày lập Bảng cân đối kế toán.

(ii) Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty có các rủi ro lãi suất đối với các tài sản và công nợ tài chính mà Công ty được hưởng hoặc phải chịu lãi suất. Hiện tại Công ty ghi nhận các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính theo nguyên tắc giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá, do vậy, Công ty chỉ chịu rủi ro về luồng tiền đối với các khoản lãi suất phải thu / phải trả. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động lãi suất đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(iii) Quản lý rủi ro về giá khác (Rủi ro về giá cổ phiếu)

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng / giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn cụ thể được ban hành bởi các cơ quan quản lý.

b. Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	62.957.047.519			62.957.047.519
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	9.715.233.587	-		9.715.233.587
Tổng cộng	72.672.281.106	-	-	72.672.281.106
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.347.313.334			69.347.313.334
Các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác	10.409.941.351	-		10.409.941.351
Tổng cộng	79.757.254.685	-	-	79.757.254.685

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

c. Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản của Công ty được quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn trả và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

	Từ 1 năm trở xuống	Từ 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	7.180.778.225			7.180.778.225
Tổng cộng	7.180.778.225	-	-	7.180.778.225

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	8.396.643.918			8.396.643.918
Tổng cộng	8.396.643.918	-	-	8.396.643.918

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu được từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3. Số liệu so sánh

Số liệu đầu năm được điều chỉnh theo Biên bản kiểm tra Báo cáo tài chính năm 2014 của Phòng Tài chính Kế hoạch Quận 11 các khoản điều chỉnh cụ thể như sau:

	Số dư theo BBKT BCTC 2014 của Phòng TC - KH Q11	Số dư theo BCTC tại ngày 31/12/2014	Chênh lệch
Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán			
- Phải trả người lao động	1.850.202.530	1.972.202.530	(122.000.000)
- Thuế và các khoản phải nộp của Nhà Nước	1.698.483.448	1.671.643.448	26.840.000
- Lợi nhuận chưa phân phối	2.793.826.267	2.698.666.267	95.160.000
Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	6.414.309.577	6.536.309.577	(122.000.000)
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.089.234.647	1.062.394.647	26.840.000
- Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.793.826.267	2.698.666.267	95.160.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

4. Một số dữ liệu tương ứng trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày theo hướng dẫn của Thông tư 200 của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Các khoản mục trên Bảng cân đối kế toán	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Quyết định 15)	Ngày 31 tháng 12 năm 2014 (trình bày theo Thông tư 200)	Chênh lệch
- Phải thu ngắn hạn khác	724.392.935	2.363.403.935	1.639.011.000
- Tài sản ngắn hạn khác	1.639.011.000	-	(1.639.011.000)

Sau ngày kết thúc niên độ tài chính 2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

naal

Ngày 28 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
QUẬN 11

S.Đ.Κ.Κ.Đ. 0001/2003-C.T.T.N.H
QUẬN 11 TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thị Ngọc

Nguyễn Thanh Liêm
Giám đốc